

Bản án số: 91/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 31 - 7 - 2024  
V/v: ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Du Thanh Nguyễn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Trần Công Đăng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Yến Ngọc – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2024/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 2001.

Địa chỉ cư trú: Ấp F, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Chí L, sinh năm 1993.

Địa chỉ cư trú: Ấp G, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 24/4/2024 bà Nguyễn Hồng Đ trình bày:**

Về hôn nhân: Vào tháng 9 năm 2023, được sự đồng ý của hai bên gia đình tổ chức làm đám cưới, bà Đ và ông L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc luôn bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày, thường hay cự cãi, gây áp lực cho nhau, ngày càng mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được. Bà Đ không còn tình cảm vợ chồng với ông L, nên yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông **Trần Chí L** đúng theo quy định pháp luật nhưng ông **L** không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà **Đ** và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà **Nguyễn Hồng Đ** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông **Trần Chí L** được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, xét xử vắng mặt bà **Đ** và ông **L** theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà **Nguyễn Hồng Đ** và ông **Trần Chí L** tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa bà **Đ** với ông **L** là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa bà **Đ** với ông **L** đã phát sinh mâu thuẫn, bà **Đ** xác định luôn bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày, thường hay cự cãi, gây áp lực cho nhau, ngày càng mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, bà **Đ** kiên quyết được ly hôn. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập nhiều lần nhưng ông **L** vắng mặt không lý do, ông **L** cũng không có ý kiến về việc bà **Đ** yêu cầu ly hôn. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà **Đ** với ông **L** đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho bà **Đ** và ông **L** ly hôn.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà **Đ** xác định không có, ông **L** cũng không có ý kiến gì nên không xem xét.

[5] Về án phí:

Bà **Nguyễn Hồng Đ** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Hồng Đ với ông Trần Chí L.
- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.
- Về án phí: Bà Nguyễn Hồng Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Bà Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006392 ngày 24/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, được đối trừ chuyển thu.

Bà Nguyễn Hồng Đ và ông Trần Chí L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);
- UBND xã Khánh Tiến, huyện U Minh;
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dư Thanh Nguyễn**